TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 09-12-2020
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

2/ Bà Lê Thị Hồng Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 117/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 554/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh V, sinh năm 1991 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Trương Văn D, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Trương Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh V trình bày:* Chị và anh D chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 03/8/2010. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2015

thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Quá trình chung sống bên gia đình chồng, giữa chị với mẹ chồng và chị chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mẹ chồng và chị chồng gây khó dễ, hà hiếp chị nhưng anh D không biết chia sẻ những khó khăn đó với chị trong cuộc sống, mà còn nghe lời mẹ chồng kiếm chuyện gây sự với chị, không nghe chị giải thích. Từ đó, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Thời gian qua vì thương các con, không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con nên chị đã cố gắng sống dung hòa với chồng và gia đình chồng, với hy vọng anh D sẽ sửa đổi tính tình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng chị lo làm nuôi con. Nhưng chị càng cố gắng bao nhiêu thì cuộc sống vợ chồng cũng không có kết quả tốt, mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/4/2012 và Trương Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 05/3/2016. Hiện tại hai cháu đang sống với chị nên chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung gồm có: 12 chỉ vàng 24K, 100.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã C – Phòng giao dịch L và 04 chỉ vàng 18K của hai cháu A và H. Ly hôn chị yêu cầu chia đôi tài sản chung và yêu cầu anh D giao lại 04 chỉ vàng 18K cho hai cháu A và H.

Về nợ chung: Nợ cha của chị là ông Nguyễn Trung H1 4.000.000 đồng, nhưng vợ chồng đã thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Trương Văn D trình bày:* Anh với chị V chung sống vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình của anh tại Ấp M, xã L. Tuy nhiên, vào tháng 3/2020, chị V có xin phép cha của anh đi Đồng Nai thăm cha mẹ ruột của chị V. Khi anh biết thì anh có gọi điện kêu về thì chị V nói sẽ về nhưng với điều kiện vợ chồng ra ở riêng do chị V có chút mâu thuẫn với mẹ và chị của anh, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nếu chị V cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/4/2012 và Trương Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 05/3/2016. Hiện tại hai cháu đang sống với chị V. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu A và H, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có 11 chỉ 24K vàng cưới nhưng trong thời gian chung sống đã bán 03 chỉ, hiện còn lại 08 chỉ vàng 24K, 04 chỉ vàng 18K của hai cháu

A và H. Anh đồng ý chia lại cho chị V 04 chỉ vàng 24K, còn 04 chỉ vàng 18K, anh sẽ trả lại cho hai cháu A và H.

Riêng số tiền 100.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh thị xã C – Phòng giao dịch L, là tiền của dì ruột của anh tên Phan Thị L nhờ anh đứng tên dùm nên anh không đồng ý chia theo yêu cầu của chị V.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V thống nhất vàng cưới còn lại 08 chỉ vàng 24K, còn 100.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng, không chấp nhận lời trình bày của anh D.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 117/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 33, 51, 55, 56, 59, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh V và anh Trương Văn D.

2. Về con chung: Giao hai cháu Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/4/2012 và Trương Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 05/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Ánh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Buộc anh Trương Văn D có nghĩa cấp dưỡng nuôi hai cháu Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/4/2012 và Trương Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 05/3/2016, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, đến khi hai cháu A và H đủ 18 tuổi. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2020.

4. Về tài sản chung: Buộc anh Trương Văn D chia lại ngay cho chị Nguyễn Thị Ánh V 04 (bốn) chỉ vàng 24K và số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 22/9/2020, bị đơn anh Trương Văn D có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 05/3/2016 cho anh Trương Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/4/2012 cho chị Nguyễn Thị Ánh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hai bên không cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Hiện nay hai cháu A và H đang sống ổn định với chị V, các cháu được nuôi dưỡng chăm sóc tốt, nếu tách hai cháu ra sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý hai cháu, anh D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ánh V có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung, chia tài sản khi ly hôn với anh Trương Văn D. Anh D có hộ khẩu và cư trú tại Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ánh V khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản khi ly hôn với anh Trương Văn D. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, nuôi dưỡng con chung, chia tài sản khi ly hôn" là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 51, Điều 56 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Đơn kháng cáo của anh Trương Văn D đúng quy định tại Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn anh Trương Văn D có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 05/3/2016 cho anh Trương Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung tên Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/4/2012 cho chị Nguyễn Thị Ánh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hai bên không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo: Án sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị V và anh D, cha mẹ ly hôn hai cháu A và H chỉ sống với cha hoặc mẹ đã là sự thiệt thòi cho hai cháu. Do đó khi quyết định ai là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu phải đảm bảo bù đắp được sự thiệt thòi cho các cháu. Hiện nay hai cháu

A và H đang do chị V nuôi dưỡng đã ổn định, đã chuyển trường về học tại xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và cháu A có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Cháu H mới 04 tuổi, hai cháu A và H là nữ nên giao cho chị V nuôi dưỡng sẽ thuận tiện hơn. Hơn nữa, hai cháu A và H đã sống khăng khít với nhau, nếu tách hai cháu ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của hai cháu. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D trình bày nếu chị V nuôi hai cháu A cũng đồng ý, nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con với lý do: hiện nay anh khó khăn không có tiền để cấp dưỡng. Số tiền cấp dưỡng mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, nhưng anh D cho rằng mình khó khăn không thể cấp dưỡng, như vậy về mặt điều kiện kinh tế anh D không có khả năng, không thể giao cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu A và H, án sơ thẩm giao hai cháu A và H cho chị V nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh D kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn D, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh D nên anh D phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 33, 51, 55, 56, 59, 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn D.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 117/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh V và anh Trương Văn D.

2. Về con chung: Giao hai cháu Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/4/2012 và Trương Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 05/3/2016 cho chị Nguyễn Thị Ánh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Buộc anh Trương Văn D có nghĩa cấp dưỡng nuôi hai cháu Trương Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 21/4/2012 và Trương Nguyễn Quỳnh H, sinh ngày 05/3/2016, mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, đến khi hai cháu A và H đủ 18 tuổi. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2020.

4. Về tài sản chung: Buộc anh Trương Văn D chia lại ngay cho chị Nguyễn Thị Ánh V 04 (bốn) chỉ vàng 24K và số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị V có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh D chậm thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

6. Án phí:

6.1. Chị Nguyễn Thị Ánh V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 3.559.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị V đã nộp 2.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo hai biên lai thu số 0005307, 0005308 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị V phải nộp tiếp 1.609.000 đồng.

6.2. Anh Trương Văn D phải chịu 3.559.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, anh D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005809 ngày 22/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền